

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 16-7-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Huệ và bà Nguyễn Thị Nguyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Ý Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 16-7-2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-DS ngày 21/5/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964. Có mặt
Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.
2. *Bị đơn:* Chị Chế Thị H, sinh năm 1988. Có mặt
Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1964 – Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Ngày 16/5/2018 (ngày 02/4/2018 âm lịch) có cho chị Chế Thị H vay số tiền là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*). Có viết giấy biên nhận và thoả thuận về lãi suất là 1%/tháng, không thoả thuận về thời gian trả nợ, nhưng có thoả thuận miệng với nhau về thời gian trả nợ là khi cần sẽ đòi. Bà Nguyễn Thị O đã giao tiền cho chị Chế Thị H cùng ngày. Ngày 02/02/2019 (28/12/2018 âm lịch) bà Trần Thị L (mẹ đẻ chị Chế Thị H) đã trả cho chồng bà O là ông Mai Hồng Q số tiền 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 09 tháng, hai bên không viết giấy tờ biên nhận nhưng bà O có viết trực tiếp vào giấy vay tiền.

Đến ngày 12/3/2020 bà O có nhu cầu dùng đến số tiền nên đã đến gia đình chị H để hỏi, thì chị H nói là đã đưa tiền cho mẹ là bà Trần Thị L trả rồi, bà O có hỏi

bà L nhưng bà L cũng bảo trả rồi. Nên bà O đã gửi đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu chị H trả tiền cho bà.

Đến nay, bà O yêu cầu buộc chị H trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi từ ngày 02/02/2019 đến 16/7/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10.600.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại bản tự khai đề ngày 03/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Chế Thị H trình bày:

Ngày 16/5/2018 (tức ngày 02/4/2018 âm lịch) chị H có vay của bà O số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), có viết giấy biên nhận và có thoả thuận tính lãi suất là 1%/ tháng trong giấy biên nhận, không thoả thuận về thời gian trả nợ. Nhưng có thoả thuận miệng là lãi suất 3 tháng trả một lần và gốc đến tháng 10 năm 2018 bà O làm nH sẽ trả. Chị H đồng ý và bà O giao tiền cho chị H cùng ngày.

Đến đầu tháng 7 năm 2018 bà O có đòi tiền chị H qua mẹ chị là bà Trần Thị L, bà L đã thông báo cho chị H và chị H đã đưa tiền cho bà L vào ngày 03/7/2018 âm lịch mang trả bà Nguyễn Thị O. Khi trả tiền cho bà O bà L không viết giấy biên nhận, nhưng đến khoảng 20 đến 21 giờ cùng ngày bà L đã gọi điện thông báo đã trả tiền cho bà O tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và lãi là 1.800.000 đồng (*một triệu tám trăm ngàn đồng*) và chị H đã lấy sổ ghi chép nợ của cá nhân gạch đi khoản nợ trên.

Đến ngày 19/02/2020 (âm lịch) bà O có đến nhà chị H đòi tiền. Chị H đã nói với bà O là đã đưa tiền cho bà qua mẹ để chị là bà L, nhưng không được bà O công nhận. Đến nay, bà O đòi tôi số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tôi không đồng ý. Chị H xác nhận không có giấy tờ, tài liệu nào ghi nhận việc trả nợ cho bà O và không được chứng kiến việc bà L trả tiền cho bà O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà L) trình bày: Ngày 16/5/2018 (tức ngày 02/4/2018 âm lịch) con gái bà là Chế Thị H có vay tiền của bà O. Đến ngày 03/7/2018 (âm lịch) tức ngày 13/8/2018 dương lịch vào buổi sáng chị H có gửi tiền cho bà L số tiền 61.800.000 đồng (*Sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng*) để trả cho bà O và bà L cũng trả trực tiếp cho bà O vào khoảng 16 giờ cùng ngày với đúng số tiền nêu trên. Khi trả tiền chỉ có bà L và bà O, nhưng không viết giấy biên nhận, bà L có đề nghị bà O gạch sổ, bà O có nói để tối gạch, còn bà O có gạch sổ hay không bà L không được biết và cũng không nhìn thấy. Đến nay, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, giấy tờ gì liên quan đến việc trả nợ cho bà O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O: Buộc chị Chế Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi 10.600.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 70.600.000 đồng (*Bảy mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*); Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị O có cho chị Chế Thị H vay tiền không thời hạn trả nợ, nhưng khi bà Nguyễn Thị O có yêu cầu chị Chế Thị H không trả, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị O nên khởi kiện đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và chị Chế Thị H có nơi cư trú tại thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Yêu cầu về số tiền vay: Tại giấy vay tiền ghi tay “*Tên tôi là Chế Thị H, sinh ngày 13/4/1988, nay tôi đến nhà ông bà O vay số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), vay ngày âm 02/4/2018, lãi suất 1%*”. Ngày 12/3/2020 bà Nguyễn Thị O đã đến gia đình chị Chế Thị H yêu cầu được trả nợ, nhưng chị Chế Thị H không trả với lý do đã đưa tiền cho bà Trần Thị L (mẹ đẻ chị Chế Thị H) trả. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Chế Thị H, bà Trần Thị L đều xác nhận có khoản vay 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và xác định đã trả cho bà Nguyễn Thị O vào ngày 03/7/2018 âm lịch (tức ngày 13/8/2018 dương lịch), nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về các khoản tiền đã trả. Nay bà Nguyễn Thị O yêu cầu chị Chế Thị H phải trả khoản tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Nguyễn Thị O và chị Chế Thị H có ký hợp đồng vay tiền, không thỏa thuận về thời hạn trả, có thỏa thuận về lãi suất. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bà O đã đề nghị được chị H trả tiền từ ngày 12/3/2020 đến nay chưa trả.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự “1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả tiền khi đến hạn; ...*” và theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự “1. *Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.* 2. *Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị O về việc chị Chế Thị H phải trả số nợ 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền gốc là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất:

Đối với khoản tiền lãi từ ngày 16/5/2018 đến ngày 02/02/2019 chị Chế Thị H đã trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền lãi theo thỏa thuận là 5.400.000 đồng (lãi của 09 tháng). Chị Chế Thị H xác định đã trả 1.800.000 đồng (03 tháng) nhưng không ra được chứng cứ, chứng minh đã trả số tiền trên và bà Nguyễn Thị O cũng không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 02/02/2019 đến ngày 16/7/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 1%/tháng cụ thể: Từ ngày 02/02/2019 đến ngày 16/7/2020 là 530 ngày : 30 ngày/tháng = 17 tháng 20 ngày. Tổng số tiền lãi là: $(60.000.000 \text{ đ} \times 1\%) \times 17 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 10.600.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng). Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị O là phù hợp các quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn chị Chế Thị H xác định đã đưa tiền cho bà Trần Thị L để trả tiền cho bà Nguyễn Thị O. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L xác nhận đã nhận tiền của chị H, nhưng chị Chế Thị H không yêu cầu bà Trần Thị L phải trả lại số tiền mà chị H đã đưa và không có yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chị Chế Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $70.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.530.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O:

Buộc chị Chế Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 70.600.000 đồng (Bảy mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị O có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Chế Thị H không trả hết số tiền kể trên thì hàng tháng chị Chế Thị H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Chế Thị H phải chịu 3.530.000 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền 1.725.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số AA/2017/0007776 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi Hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mai Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyên Đỗ Thị Huê

Phạm Mai Hằng